

Mẫu số 04. VĂN BẢN CHUẨN BỊ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTD ngày tháng năm 2021 của Hội đồng thẩm định hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT
ĐAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

VĂN BẢN CHUẨN BỊ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. Thông tin về quá trình giải quyết hồ sơ:

1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Ngày ...thángnăm, Ủy ban nhân dân tỉnh.....ký..... số..... đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng.....
- Ngày ...thángnăm, Văn phòng Bộ nhận hồ sơ.....
- Ngày ...thángnăm, Tổng cục Quản lý đất đai nhận hồ sơ
- Ngày ...thángnăm, Cục Quy hoạch đất đai nhận hồ sơ

2. Nghiên cứu hồ sơ:

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ, ngày ...thángnăm, Cục Quy hoạch đất đai đã trình Tổng cục Quản lý đất đai phương án giải quyết hồ sơ.
- Ngày ...thángnăm, Tổng cục Quản lý đất đai đã gửi hồ sơ báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định phương án giải quyết.
- Ngày ...thángnăm, Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã quyết định việc tổ chức thẩm định và giao Tổng cục Quản lý đất đai chuẩn bị thủ tục để họp Hội đồng theo quy chế.
- Ngày ...thángnăm, Tổng cục Quản lý đất đai đã ký văn bản mời tham gia họp Hội đồng thẩm định và gửi tài liệu đến các thành viên Hội đồng theo quy chế.

II. Thông tin cơ bản về hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ so với quy định:

.....
b) Thành phần hồ sơ có thêm so với quy định:
.....

2. Cơ sở pháp lý để giải quyết hồ sơ:

Quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai;

Quy định tại Khoản 2 Điều 68 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa,

Quy định tại Thông tư.....của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thông tin về sự phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa/đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp:

a) Quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh

- Đánh giá so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của cấp tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt (*nếu hết kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực hiện nhưng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 chưa phê duyệt*);

- Đánh giá so với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đã được phê duyệt (nếu có);

- Đánh giá so với Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt (nếu có).

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện

- Đánh giá so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của cấp huyện đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (*nếu hết kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực hiện nhưng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 chưa phê duyệt*);

- Đánh giá so với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 đã được phê duyệt (nếu có);

- Đánh giá so với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (*nếu hết năm kế hoạch sử dụng đất vẫn còn chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện nhưng kế hoạch sử dụng đất của năm sau chưa được phê duyệt*).

4. Thông tin về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa/đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp:

- Đánh giá chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng chưa thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

- Đánh giá chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng chưa thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Đánh giá sự phù hợp sau khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án so với chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

- Đánh giá sự phù hợp sau khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án so với chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

5. Thông tin về sự phù hợp so với quy định của pháp luật chuyên ngành:

.....

6. Thông tin về xác định trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Đánh giá về phương án sử dụng tầng đất mặt đối với đất trồng lúa của dự án (nếu có);

+ Việc nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất chuyên trồng lúa nước của dự án (nếu có);

+ Phương án trồng rừng thay thế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc việc hoàn thành nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng (nếu có);

+ Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có).

- Ủy ban nhân dân Tỉnh.....:

+ Tính pháp lý của hồ sơ, gồm.....;

+ Sự thống nhất giữ hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất, thực địa;

+ Đảm bảo chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Chính phủ/Thủ tướng phê duyệt;

+ Đảm bảo việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, ký các giấy tờ trong hồ sơ là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật (pháp luật đất đai, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất trồng lúa, lâm nghiệp, chuyên ngành...)

- Hội đồng nhân dân tỉnh/chịu trách nhiệm về ban hành và giám sát tổ chức thực hiện Nghị quyết đối với trường hợp thực hiện dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai.